

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2019/DS-ST**
Ngày: **23-10-2019**
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày **23** tháng **10** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **47/2019/TLST-DS** ngày **27 tháng 5 năm 2019**, về tranh chấp **hợp đồng dân sự vay tài sản**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **88/2019/QĐXXST-DS** ngày **17 tháng 9 năm 2019**, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng X; Địa chỉ trụ sở chính: Phố L, phường H, quận H, Thành phố H; Địa chỉ Phòng giao dịch: khóm 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T, chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Ông B, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25 tháng 11 năm 2016); **có mặt**.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông T1, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; **vắng mặt**.

2.2. Bà Đ, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; **vắng mặt**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng X, sau đây viết tắt là Ngân hàng, do ông B đại diện, trình bày:

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, ông T1 và bà Đ có vay vốn Ngân hàng số tiền 9.000.000 đồng, thuộc chương trình cho vay nhà vượt lũ vùng Đồng Bằng sông Cửu long, theo khế ước vay số 6000005100213821, thời hạn cho vay là 10 năm, hạn trả cuối cùng là 13 tháng 01 năm 2017, thời hạn ân hạn 05 năm, lãi suất 3%/năm (0,25%/tháng). Từ khi vay tiền cho đến khi khởi kiện thì ông T1, bà Đ chỉ đóng lãi được 48.000 đồng (vào ngày 18 tháng 11 năm 2015), không có trả nợ gốc. Khoản vay trên đã quá hạn, Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc nhưng ông T1, bà Đ không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T1, bà Đ liên đới trả số tiền vay còn nợ gốc 9.000.000 đồng, lãi tạm tính từ ngày 21 tháng 12 năm 2006 đến ngày 15 tháng 5 năm 2019 là 3.310.704 đồng, tổng cộng 12.310.704 đồng.

Bị đơn ông T1 và bà Đ đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T1, bà Đ vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Buộc bị đơn ông T1 và bà Đ trả cho Ngân hàng X số tiền vay còn nợ gốc 9.000.000 đồng và tiền lãi 3.310.704 đồng, tổng cộng 12.310.704 đồng và tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã thông báo cho bị đơn các thông báo thụ lý, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng họ không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà Ngân hàng đưa ra nên Ngân hàng không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, ông B đại diện nguyên đơn yêu cầu ông T1 và bà Đ trả số tiền vay còn nợ gốc 9.000.000 đồng, tiền lãi 3.310.704 đồng là có căn cứ để chấp nhận, vì: Ông T1, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên buộc ông T1 và bà Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ gốc và lãi là 12.310.704 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong khế ước mà các bên đã ký kết cho đến khi trả nợ xong là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông T1 và bà Đ phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là **615.500 đồng** theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228 và **235** của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X.

2. Buộc ông T1, bà Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng X số tiền vay còn nợ 12.310.704 (Mười hai triệu, ba trăm mười nghìn, bảy trăm lẻ bốn) đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký, khế ước vay số 6000005100213821 cho đến khi trả nợ xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông T1 và bà Đ liên đới chịu 615.500 (Sáu trăm mười lăm nghìn năm trăm) đồng.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/10/2019); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú